

Số: 504/2021/QĐST-HNGĐ

Thành phố H, ngày 15 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 533/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Lan O, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 81/3 đường B, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

- Bị đơn: Anh Trần Quốc V, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 81/3 đường B, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 12 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 12 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị Lan O và Anh Trần Quốc V.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Lan O và Anh Trần Quốc V.

2.2. Về con chung: Chị Lê Thị Lan O và anh Trần Quốc V xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Trần Lê Anh T, sinh ngày 18/6/2003 và cháu Trần Lê Anh T, sinh ngày 24/10/2009. Nay ly hôn chị Lê Thị Lan O và anh Trần Quốc V thỏa thuận như sau: Giao cháu Trần Lê Anh T, sinh ngày 24/10/2009 cho chị Lê Thị

Lan O được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Trần Quốc V có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung là cháu Trần Lê Anh T, sinh ngày 24/10/2009 mỗi tháng 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng), kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T trưởng thành, đủ 18 tuổi. Còn cháu Trần Lê Anh T đã trưởng thành nên chị Lê Thị Lan O và anh Trần Quốc V không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng tiền nuôi con chung, cháu muốn ở với ai thì tùy cháu quyết định.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung: Chị Lê Thị Lan O và anh Trần Quốc V xác nhận không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Chị Lê Thị Lan O và anh Trần Quốc V xác nhận không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Hai bên thỏa thuận chị Lê Thị Lan O tự nguyện chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng thay cho anh Trần Quốc V. Tổng cộng cả hai loại án phí chị O phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị Lê Thị Lan O đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000727 ngày 18/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H. Chị Lê Thị Lan O đã nộp đủ án phí, nay không phải nộp

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT H;
- VKSNDTP H;
- Chi cục THADS TP H;
- UBND phường T, TP H
- (ĐKKH số 20, quyền số: 01/2003 ngày 21/3/2003);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Huỳnh Trọng Cẩn